

NGHIÊN CỨU SỰ TÁC ĐỘNG CỦA HIỆN TƯỢNG “BUỒNG VANG THÔNG TIN” (ECHO CHAMBER) ĐỐI VỚI THẾ HỆ GEN Z

STUDYING THE IMPACT OF ECHO CHAMBER PHENOMENON ON GENERATION Z

Phạm Nguyễn Phúc Toàn^{1,+},
Phạm Văn Luân²

¹Trường Đại học Công nghệ Thông tin - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; ²Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh
+Tác giả liên hệ • Email: toanpnp@uit.edu.vn

Article history

Received: 16/10/2025

Accepted: 10/02/2026

Published: 05/5/2026

Keywords

Echo chamber, Gen Z, social media, cognitive bias, critical thinking

ABSTRACT

In the context of education being heavily influenced by the digital environment and online media platforms, the issue of information access and the development of critical thinking skills among learners is attracting significant research attention. Echo chamber - the phenomenon where users primarily receive information that aligns with their pre-existing viewpoints - is recognized as a common occurrence in the digital media space, especially among young people of Generation Z. With high social media usage and frequent interaction with content recommendation systems, Gen Z tends to repeatedly encounter similar information sources, which can influence how they form perceptions and evaluate information. This article employs a qualitative research approach to synthesize and analyze domestic and international studies related to the mechanism of echo chamber formation and its impact on the behavior and cognition of Gen Z. Based on the synthesized results, the article proposes three intervention directions: enhancing digital media education for learners, considering adjustments to the operation of content recommendation algorithms, and encouraging the development of online spaces that promote multi-directional information exchange. These suggestions provide a reference basis for developing educational solutions that support Vietnamese learners in developing critical thinking in the digital environment.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh giáo dục Việt Nam chịu tác động ngày càng sâu sắc của chuyển đổi số, năng lực tư duy phản biện và khả năng xử lý thông tin được xem là những yêu cầu cốt lõi đối với người học. Sự dịch chuyển mạnh mẽ từ các nguồn thông tin truyền thống sang môi trường truyền thông số, đặc biệt là mạng xã hội, không chỉ làm thay đổi cách thức tiếp cận tri thức mà còn đặt ra những thách thức mới đối với quá trình hình thành nhận thức và đánh giá thông tin của người học (OECD, 2021; UNESCO, 2023). Trong bối cảnh đó, hiện tượng “Echo chamber” (buồng vang thông tin) trong môi trường truyền thông số đang thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu giáo dục và truyền thông. Các nghiên cứu quốc tế chỉ ra rằng, “Buồng vang thông tin” gắn liền với các cơ chế cá nhân hóa thông tin và hệ thống phân phối nội dung trên nền tảng số, nơi người dùng có xu hướng tiếp xúc lặp lại với những thông tin phù hợp với quan điểm và hành vi đã được ghi nhận trước đó (Sunstein, 2001; Pariser, 2011).

Nhóm thế hệ Gen Z (nhóm người sinh trong giai đoạn 1997-2012) với mức độ sử dụng mạng xã hội cao và sự phụ thuộc lớn vào các nền tảng số trong học tập, giao tiếp và giải trí, được xem là đối tượng chịu ảnh hưởng rõ nét từ các đặc điểm của môi trường thông tin trực tuyến (Dimock, 2019). Trong giai đoạn hình thành hệ giá trị cá nhân và định hướng học tập, nghề nghiệp, việc tiếp xúc kéo dài với các luồng thông tin mang tính chọn lọc có thể tác động đáng kể đến quá trình nhận thức, đánh giá và tham gia đời sống xã hội của nhóm này. Tại Việt Nam, một số công trình đã đề cập đến hành vi sử dụng mạng xã hội và khả năng tiếp nhận thông tin của người học trẻ; tuy nhiên, các phân tích mang tính hệ thống về mối liên hệ giữa “Buồng vang thông tin”, tư duy phản biện và năng lực xử lý thông tin của thế hệ Gen Z từ góc độ giáo dục và truyền thông vẫn còn tương đối hạn chế. Theo Lữ Thị Mai Oanh và cộng sự (2024), 32,2% sinh viên tham gia có khả năng xác định tin giả, phản ánh khoảng cách đáng kể giữa mức độ tiếp cận thông tin và năng lực đánh giá thông tin trong môi trường số.

Xuất phát từ bối cảnh đó, bài báo tập trung tổng hợp và phân tích các công trình trong và ngoài nước nhằm làm

rõ cơ chế hình thành của hiện tượng “Buồng vang thông tin” trong môi trường truyền thông số và những tác động của nó đối với tư duy phản biện của thế hệ Gen Z. Qua đó, bài báo góp phần cung cấp cơ sở học thuật cho việc xây dựng các định hướng giáo dục và truyền thông số nhằm hỗ trợ người học Việt Nam phát triển năng lực tư duy phản biện và năng lực công dân số trong bối cảnh hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp tổng quan tài liệu định tính nhằm hệ thống hóa và phân tích các công trình nghiên cứu liên quan đến hiện tượng “Buồng vang thông tin” và những tác động của hiện tượng này đối với thế hệ Gen Z trong môi trường truyền thông số. Cách tiếp cận này cho phép làm rõ các đặc điểm, hệ quả và các hướng tiếp cận giải pháp đã được đề cập trong các nghiên cứu trước, đặc biệt từ góc độ giáo dục và truyền thông. Quá trình tìm kiếm và lựa chọn tài liệu tập trung vào các công trình được công bố trong giai đoạn 2001-2025, nhằm bảo đảm tính bao quát đối với sự phát triển của khái niệm “Buồng vang thông tin” trong nghiên cứu học thuật. Tài liệu được thu thập từ các cơ sở dữ liệu và nguồn truy cập mở có độ tin cậy, bao gồm Google Scholar và các báo cáo nghiên cứu của các tổ chức quốc tế. Các từ khóa chính sử dụng trong quá trình tìm kiếm gồm: “Buồng vang thông tin”, filter bubble, Generation Z, digital literacy và information polarization. Việc lựa chọn tài liệu dựa trên các tiêu chí sau: (1) Nội dung liên quan trực tiếp đến hiện tượng “Buồng vang thông tin” hoặc filter bubble trong môi trường truyền thông số; (2) Tập trung vào nhóm người trẻ hoặc thế hệ Gen Z; (3) Công bố trên các tạp chí khoa học, sách chuyên khảo hoặc báo cáo nghiên cứu có uy tín. Các tài liệu không đáp ứng các tiêu chí này hoặc mang tính bình luận thuần túy được loại trừ. Sau bước sàng lọc, 25 tài liệu được đưa vào phân tích nội dung chi tiết.

Phân tích tài liệu được tiến hành theo phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis) theo khuyến nghị của Braun và Clarke (2006). Trên cơ sở đó, các kết quả nghiên cứu được hệ thống hóa thành 03 nhóm chủ đề chính, gồm: (1) Cơ chế hình thành và đặc điểm hành vi tiếp nhận thông tin của thế hệ Gen Z trong môi trường “Buồng vang thông tin”; (2) Các tác động của “Buồng vang thông tin” đối với nhận thức, xã hội và định hướng học tập - nghề nghiệp của Gen Z; (3) Các giải pháp và khuyến nghị được đề xuất trong các nghiên cứu trước nhằm giảm thiểu tác động của hiện tượng này.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số khái niệm và định hướng tiếp cận

3.1.1. “Buồng vang thông tin” trong môi trường truyền thông số

Trong bối cảnh truyền thông số, “Buồng vang thông tin” được sử dụng để chỉ một dạng môi trường thông tin trong đó cá nhân có xu hướng tiếp xúc lặp lại với các thông tin và quan điểm phù hợp với niềm tin hoặc thái độ sẵn có, trong khi các quan điểm trái chiều ít có cơ hội được tiếp cận (Sunstein, 2001). Hiện tượng này gắn liền với các cơ chế cá nhân hóa nội dung trên nền tảng số, nơi các hệ thống phân phối thông tin ưu tiên hiển thị nội dung dựa trên lịch sử tương tác của người dùng (Pariser, 2011). Trong các nghiên cứu gần đây, “Buồng vang thông tin” được tiếp cận như một hiện tượng đặc trưng của môi trường truyền thông số, phản ánh sự tương tác giữa hành vi tiếp nhận thông tin của người dùng và cấu trúc phân phối nội dung của các nền tảng trực tuyến (Cinelli và cộng sự, 2021). Việc tiếp xúc chủ yếu với các luồng thông tin đồng thuận được ghi nhận là có mối liên hệ với những thay đổi trong cách thức tiếp nhận và đánh giá thông tin, cũng như trong các hình thức tương tác xã hội trực tuyến (Pennycook và Rand, 2019; Törnberg, 2018).

3.1.2. Thế hệ Gen Z và bối cảnh tiếp nhận thông tin số

Thế hệ Gen Z là thế hệ đầu tiên “trưởng thành” trong bối cảnh công nghệ số và mạng xã hội phát triển mạnh mẽ, được sinh ra từ năm 1997 đến năm 2012. Đặc điểm nổi bật của nhóm người trẻ này là mức độ tiếp xúc cao và thường xuyên với Internet, thiết bị di động và các nền tảng truyền thông trực tuyến, nơi thông tin được tiếp nhận, chia sẻ và tương tác theo thời gian thực (Dimock, 2019). Trong môi trường truyền thông số, Gen Z là nhóm người dùng chủ lực của các nền tảng mạng xã hội và các hệ thống phân phối nội dung dựa trên thuật toán (Twenge, 2017). Phần lớn hoạt động tiếp nhận thông tin, hình thành quan điểm và tương tác xã hội của nhóm này diễn ra thông qua các kênh trực tuyến, trong đó các nội dung được cá nhân hóa theo hành vi và sở thích của người dùng. Điều này tạo nên một bối cảnh tiếp nhận thông tin đặc thù, khác biệt so với các thế hệ trước vốn tiếp cận thông tin chủ yếu thông qua các phương tiện truyền thông truyền thống. Trong phạm vi bài báo, Gen Z được xác định là đối tượng trung tâm của phân tích tổng quan, nhằm xem xét các nghiên cứu liên quan đến “Buồng vang thông tin” trong mối liên hệ với hành vi tiếp nhận thông tin của người học trẻ trong môi trường truyền thông số.

3.2. Kết quả tổng quan

3.2.1. Cơ chế hình thành và đặc điểm hành vi tiếp nhận thông tin của Gen Z trong môi trường “Buồng vang thông tin”

Tổng hợp các công trình cho thấy “Buồng vang thông tin” được tiếp cận như một hiện tượng hình thành trong quá trình tương tác giữa cách thức phân phối thông tin của nền tảng số và hành vi tiếp nhận thông tin của người dùng, thay vì một hiện tượng truyền thông đơn lẻ. Các nghiên cứu nền tảng, tiêu biểu là Sunstein (2001), đã đặt vấn đề về hệ quả xã hội của việc tiếp nhận thông tin mang tính chọn lọc đối với đời sống công cộng, qua đó mở đường cho các nghiên cứu thực nghiệm về môi trường thông tin khép kín trong không gian số.

Trong bối cảnh truyền thông số đương đại, nhiều nghiên cứu tập trung làm rõ vai trò của cơ chế phân phối nội dung dựa trên thuật toán trong việc định hình phạm vi thông tin mà người dùng tiếp cận. Flaxman và cộng sự (2016), dựa trên dữ liệu hành vi của người dùng tin tức tại Hoa Kỳ, cho thấy việc tiếp cận thông tin qua mạng xã hội thường đi kèm với mức độ đa dạng nguồn thấp hơn so với việc truy cập trực tiếp các trang báo điện tử. Kết quả này được xem là bằng chứng thực nghiệm chứng minh các nền tảng số có thể góp phần duy trì các luồng thông tin mang tính đồng thuận. Ở góc độ vận hành, Nguyen và cộng sự (2014) chỉ ra rằng các hệ thống gợi ý nội dung cá nhân hóa, dù giúp cải thiện trải nghiệm người dùng, có thể làm giảm mức độ đa chiều của thông tin được tiếp cận theo thời gian, qua đó hình thành các vòng lặp lựa chọn nội dung tương tự.

Trên nền tảng cấu trúc phân phối thông tin đó, các nghiên cứu tiếp tục nhấn mạnh đặc điểm hành vi tiếp nhận thông tin của người dùng, đặc biệt trong các môi trường thông tin mang tính đồng thuận cao. Pennycook và Rand (2019) cho thấy, người dùng có xu hướng tiếp nhận và lan truyền những nội dung phù hợp với niềm tin sẵn có, từ đó góp phần duy trì các luồng thông tin lặp lại. Đối với nhóm người dùng trẻ, các hành vi này được ghi nhận diễn ra thường xuyên hơn trong bối cảnh sử dụng mạng xã hội như kênh tiếp nhận thông tin chủ đạo.

Bên cạnh đó, một số công trình mở rộng phân tích sang khuôn mẫu tương tác xã hội trong môi trường trực tuyến, khi người dùng có xu hướng tham gia các cộng đồng có sự tương đồng về quan điểm. Cinelli và cộng sự (2021), dựa trên phân tích dữ liệu lớn từ nhiều nền tảng, cho thấy người dùng thường tự tập hợp trong các nhóm thông tin khép kín, qua đó làm gia tăng mức độ phân tách giữa các cộng đồng quan điểm. Ở bình diện hành vi thảo luận, Neubaum và Krämer (2017) ghi nhận xu hướng người trẻ hạn chế bày tỏ ý kiến trái chiều trong các thảo luận trực tuyến nhằm tránh xung đột xã hội, một hiện tượng có nét tương đồng với cơ chế “vòng xoáy im lặng” được Noelle-Neumann (1974) mô tả. Ở cấp độ mô hình hóa, Törnberg (2018) tiếp cận “Buồng vang thông tin” như một dạng lan truyền phức hợp và cho thấy trong các cộng đồng có tính đồng thuận cao, các luồng thông tin có thể được duy trì ổn định theo thời gian.

Nhìn chung, các nghiên cứu trong nhóm chủ đề này cho thấy “Buồng vang thông tin” hình thành thông qua sự kết hợp giữa cơ chế phân phối nội dung của nền tảng số và các khuôn mẫu hành vi tiếp nhận, tương tác thông tin của người dùng. Đối với thế hệ Gen Z - nhóm người dùng có mức độ gắn bó cao với mạng xã hội - những đặc điểm này tạo nên bối cảnh thông tin đặc thù, từ đó đặt nền tảng cho việc xem xét các tác động của “Buồng vang thông tin” đối với nhận thức, hành vi xã hội và định hướng phát triển cá nhân, được trình bày trong nhóm chủ đề tiếp theo.

3.2.2. Tác động của “Buồng vang thông tin” đối với nhận thức, đời sống xã hội và định hướng phát triển của thế hệ Gen Z

Thế hệ Gen Z là nhóm có mức độ tiếp xúc cao và thường xuyên với Internet và mạng xã hội (Dimock, 2019). Trong bối cảnh phần lớn hoạt động tiếp nhận thông tin, hình thành quan điểm và tương tác xã hội diễn ra trên các nền tảng số, nhiều nghiên cứu đã xem xét “Buồng vang thông tin” như một yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến cách Gen Z nhận thức, tham gia đời sống xã hội và định hình các định hướng học tập - nghề nghiệp.

Một số nghiên cứu đã tập trung làm rõ những thay đổi trong cách Gen Z tiếp nhận và đánh giá thông tin khi tham gia vào các môi trường mang tính “đồng thuận cao”. Cinelli và cộng sự (2021) cho thấy sự lặp lại các nội dung trên mạng xã hội có liên hệ với xu hướng nhận thức, trong đó người dùng ngày càng ít tiếp xúc với các quan điểm trái chiều và có xu hướng diễn giải các vấn đề xã hội theo những khuôn mẫu nhận thức cố định. Các nghiên cứu gần đây mở rộng bối cảnh phân tích sang các nền tảng truyền thông mới, cho thấy trên các nền tảng video ngắn, sự kết hợp giữa hành vi lựa chọn nội dung và cơ chế đề xuất có thể làm gia tăng tính đồng nhất của các nhóm nội dung mà người dùng tiếp cận (Gao và cộng sự, 2023). Đối với Gen Z, các đặc điểm này được ghi nhận là gắn với xu hướng hạn chế tìm kiếm nguồn thông tin thay thế và suy giảm mức độ hoài nghi cần thiết trong quá trình tiếp nhận thông tin.

Trên nền tảng nhận thức đó, một số công trình tiếp tục xem xét tác động của “Buồng vang thông tin” đối với hành vi tương tác và đời sống xã hội của người trẻ. Các nghiên cứu cho thấy trong các môi trường trực tuyến và học thuật số, nơi các quan điểm tương đồng thường được củng cố, Gen Z có xu hướng hạn chế bày tỏ ý kiến trái chiều. Celuch và cộng sự (2024) ghi nhận xu hướng tự kiểm duyệt ở những cá nhân từng trải qua quấy rối trực tuyến nhằm giảm nguy cơ bị công kích. Kết quả khảo sát của Knight Foundation (2024) tại Hoa Kỳ cũng cho thấy một tỉ lệ đáng kể

sinh viên thừa nhận đã hạn chế bày tỏ quan điểm cá nhân trong lớp học khi thảo luận các vấn đề nhạy cảm. Trên các nền tảng mạng xã hội, López Fraile và Alonso Guisande (2025) cho thấy sinh viên thường điều chỉnh nội dung và cách thức chia sẻ trên Instagram và TikTok, qua đó làm giảm tính đa dạng trong trao đổi quan điểm và đối thoại công khai.

Bên cạnh các tác động về nhận thức và tương tác xã hội, một số nghiên cứu ghi nhận những hệ quả liên quan đến trải nghiệm tâm lý của Gen Z trong môi trường thông tin mang tính chọn lọc cao. Pariser (2011) cảnh báo rằng cơ chế cá nhân hóa thông tin có thể thu hẹp khả năng tiếp cận các góc nhìn đa dạng, từ đó làm gia tăng cảm giác bị “giam giữ” trong các không gian thông tin đồng thuận. Các tổng quan của Twenge (2019) cho thấy việc sử dụng mạng xã hội với cường độ cao có mối liên hệ với sự gia tăng một số biểu hiện lo âu, trầm cảm và cảm giác bị cô lập ở giới trẻ, đặc biệt trong những bối cảnh thiếu tương tác xã hội mang tính hỗ trợ và đối thoại. Ngoài ra, các nghiên cứu gần đây mở rộng phân tích sang tác động dài hạn của “Buồng vang thông tin” đối với quá trình hình thành giá trị sống và định hướng học tập - nghề nghiệp của Gen Z. Li và cộng sự (2025) ghi nhận mối liên hệ giữa việc sử dụng mạng xã hội và lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên, trong đó các yếu tố như giá trị nghề nghiệp và niềm tin vào năng lực bản thân đóng vai trò trung gian quan trọng. Nguyen (2024) đề cập ảnh hưởng của các hình mẫu phổ biến trên mạng xã hội đối với quá trình định hình kì vọng và quyết định nghề nghiệp của sinh viên, trong khi Zhang và cộng sự (2024) nhấn mạnh so sánh xã hội trên nền tảng số có thể làm gia tăng áp lực và lo lắng nghề nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định của người học.

Nhìn chung, “Buồng vang thông tin” đã tạo ra một chuỗi tác động liên kết, từ cách Gen Z tiếp nhận và đánh giá thông tin, tham gia đối thoại xã hội, trải nghiệm tâm lý, đến quá trình định hình các định hướng học tập và nghề nghiệp. Những kết quả này cho thấy “Buồng vang thông tin” không chỉ là một hiện tượng của truyền thông số, mà còn là một thách thức đáng kể đối với giáo dục trong việc phát triển tư duy phản biện, năng lực đối thoại và khả năng tự chủ thông tin của người học trong bối cảnh số.

3.3. Một số giải pháp và khuyến nghị giáo dục nhằm giảm thiểu tác động của “Buồng vang thông tin” đối với Gen Z

Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu về cơ chế hình thành và tác động của “Buồng vang thông tin”, nhiều công trình đã đề xuất các hướng can thiệp nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của hiện tượng này đối với người dùng trẻ. Trong đó, “Buồng vang thông tin” không chỉ được tiếp cận như một vấn đề công nghệ hay truyền thông, mà được đánh giá là một thách thức giáo dục, yêu cầu các can thiệp mang tính hệ thống nhằm phát triển năng lực tiếp nhận, đánh giá và đối thoại thông tin của người học trong môi trường số; bài báo đã tổng hợp và phân nhóm một số giải pháp và khuyến nghị, cụ thể:

(1) *Về giáo dục truyền thông số và phát triển tư duy phản biện của người học:* Một hướng tiếp cận nổi bật trong các nghiên cứu là tăng cường giáo dục truyền thông số (digital/media literacy) như một giải pháp nền tảng nhằm hỗ trợ người học nhận diện và vượt qua các môi trường thông tin mang tính khép kín. Thông qua phân tích tổng hợp và khảo sát sinh viên đại học tại Hoa Kỳ, Mihailidis và Viotty (2017) chỉ ra những người học được trang bị kỹ năng phân tích truyền thông, kiểm chứng nguồn tin và nhận diện thiên kiến có xu hướng tiếp cận đa dạng nguồn thông tin hơn và ít bị chi phối bởi các luồng thông tin đồng thuận. Kết quả này gợi ý rằng giáo dục truyền thông số có thể đóng vai trò trung gian quan trọng trong việc giảm mức độ phụ thuộc của người học vào các không gian “Buồng vang thông tin”.

Các nghiên cứu khác tiếp tục nhấn mạnh mối liên hệ giữa tư duy phản biện và khả năng “chống chịu” trước các môi trường thông tin bị cá nhân hóa. Theo OECD (2021), tư duy phản biện và năng lực đánh giá thông tin là những thành tố cốt lõi của năng lực công dân trong xã hội số, cho phép người học xem xét thông tin từ nhiều góc độ, đối chiếu nguồn và nhận diện các luận điểm thiếu căn cứ. Trong bối cảnh “Buồng vang thông tin”, việc thiếu các năng lực này có thể khiến người học dễ chấp nhận các thông tin đồng thuận như những “sự thật hiển nhiên”, làm suy giảm khả năng phản biện và đối thoại học thuật. Một số công trình đề xuất tích hợp giáo dục truyền thông số và tư duy phản biện vào chương trình đào tạo thông qua các học phần đại cương, học phần kỹ năng hoặc các hoạt động học tập trải nghiệm. Hobbs (2017) cho rằng việc dạy người học cách phân tích cấu trúc thông điệp truyền thông, động cơ của người sản xuất nội dung và vai trò của thuật toán phân phối thông tin có thể giúp người học phát triển năng lực tự chủ thông tin trong môi trường số. Cách tiếp cận này đặc biệt phù hợp với thế hệ Gen Z, khi mạng xã hội đã trở thành kênh tiếp nhận thông tin chủ đạo trong học tập và đời sống hằng ngày.

(2) *Về minh bạch thuật toán và nâng cao quyền tự chủ thông tin của người dùng:* Bên cạnh giáo dục, một số nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của can thiệp ở cấp độ nền tảng và quản trị công nghệ. Các công trình trong lĩnh vực khoa học dữ liệu và truyền thông số cho rằng việc thiếu minh bạch trong vận hành thuật toán gợi ý nội dung có thể

làm gia tăng mức độ “bị động” của người dùng trong tiếp nhận thông tin, từ đó củng cố “Buồng vang thông tin” (Pariser, 2011; Cinelli và cộng sự, 2021). Trên cơ sở đó, nhiều nghiên cứu đề xuất tăng cường tính minh bạch thuật toán như một hướng tiếp cận hỗ trợ người dùng hiểu rõ hơn vì sao họ tiếp cận những nội dung nhất định. Một số khuyến nghị tập trung vào việc phát triển các công cụ hiển thị mức độ đa dạng của nguồn thông tin mà người dùng tiếp cận, hoặc cho phép người dùng lựa chọn các chế độ gợi ý nội dung khác nhau, chẳng hạn như chế độ ưu tiên đa chiều hoặc trung lập. Mặc dù các giải pháp này chủ yếu được thảo luận ở cấp độ kỹ thuật, các nghiên cứu giáo dục cho rằng việc kết hợp minh bạch thuật toán với giáo dục truyền thông số có thể giúp người học hình thành năng lực siêu nhận thức về môi trường thông tin, qua đó chủ động hơn trong việc điều chỉnh hành vi tiếp nhận thông tin (OECD, 2021).

(3) *Về phát triển không gian đối thoại học thuật và năng lực công dân số:* Ngoài các can thiệp ở cấp độ cá nhân và công nghệ, một nhóm nghiên cứu khác nhấn mạnh tầm quan trọng của môi trường đối thoại xã hội và học thuật trong việc giảm thiểu tác động của “Buồng vang thông tin”. Các nghiên cứu về hành vi thảo luận trực tuyến cho thấy người trẻ có xu hướng tự kiểm duyệt hoặc né tránh bày tỏ quan điểm trái chiều trong các không gian thiếu an toàn về mặt xã hội (Neubauer và Krämer, 2017; Celuch và cộng sự, 2024). Điều này không chỉ làm suy giảm chất lượng đối thoại mà còn củng cố các luồng thông tin đồng thuận trong cộng đồng người dùng trẻ. Trên phương diện giáo dục công dân số, UNESCO (2023) nhấn mạnh rằng việc phát triển các không gian đối thoại an toàn, khuyến khích tôn trọng khác biệt và tranh luận dựa trên lập luận là điều kiện quan trọng để người học hình thành năng lực tham gia xã hội trong môi trường số. Các diễn đàn học thuật, hoạt động thảo luận có hướng dẫn và các sáng kiến truyền thông cộng đồng được xem là những hình thức can thiệp có thể hỗ trợ người học tiếp cận đa dạng quan điểm mà không phải đối mặt với áp lực bị công kích hoặc loại trừ.

(4) *Về vai trò của các tác nhân trung gian trong môi trường thông tin số:* Một số nghiên cứu gần đây mở rộng phân tích sang vai trò của các tác nhân trung gian trong môi trường thông tin số, bao gồm người ảnh hưởng trên mạng xã hội, nhà giáo dục và các tổ chức truyền thông. Các công trình này cho rằng nhóm tác nhân trung gian có ảnh hưởng đáng kể đến cách Gen Z tiếp cận và diễn giải thông tin, đặc biệt trong các lĩnh vực liên quan đến giá trị sống, học tập và nghề nghiệp (Li và cộng sự, 2025; Nguyen, 2024). Do đó, việc nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội và đạo đức thông tin cho các tác nhân này được xem là một hướng can thiệp bổ trợ nhằm hạn chế sự lan truyền vô thức của các nội dung củng cố “Buồng vang thông tin”.

3.4. Thảo luận

Kết quả tổng hợp từ ba nhóm chủ đề cho thấy “Buồng vang thông tin” cần được nhìn nhận như một thách thức giáo dục trong bối cảnh môi trường thông tin số ngày càng chi phối sâu sắc quá trình học tập, hình thành nhận thức và tham gia xã hội của người học trẻ. Việc “Buồng vang thông tin” hình thành thông qua sự tương tác giữa cơ chế phân phối nội dung của nền tảng số và các khuôn mẫu hành vi tiếp nhận thông tin của người dùng cho thấy truyền thông số không còn chỉ là kênh cung cấp thông tin, mà đã trở thành một không gian học tập phi chính thức có ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển năng lực của thế hệ Gen Z.

Ở lĩnh vực giáo dục, các kết quả tổng quan gợi mở rằng thách thức của “Buồng vang thông tin” không nằm ở việc người học tiếp cận “đúng” hay “sai” thông tin, mà ở cách họ diễn giải, đánh giá và sử dụng thông tin trong môi trường số có tính cá nhân hóa cao. Khi các luồng thông tin đồng thuận được củng cố liên tục, khả năng tiếp xúc với quan điểm đa chiều và thực hành đối thoại dựa trên lập luận có nguy cơ bị thu hẹp. Điều này đặt ra yêu cầu đối với giáo dục trong việc hỗ trợ người học phát triển các năng lực nền tảng để chủ động điều hướng môi trường thông tin phức tạp, thay vì phụ thuộc thụ động vào các cơ chế gợi ý nội dung. Việc tiếp cận Gen Z từ góc độ năng lực cho phép mở rộng cách hiểu về vai trò của người học trong môi trường số. Thay vì xem Gen Z chỉ là nhóm chịu tác động của “Buồng vang thông tin”, các kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm này đồng thời là chủ thể tham gia kiến tạo, chia sẻ và lan truyền thông tin trong không gian trực tuyến. Do đó, thách thức giáo dục không chỉ dừng lại ở việc giảm thiểu rủi ro, mà còn hướng tới việc phát triển các năng lực cốt lõi như tư duy phản biện, năng lực đối thoại, tự chủ thông tin và trách nhiệm công dân số. Những năng lực này cho phép người học không chỉ đánh giá thông tin một cách độc lập, mà còn tham gia đời sống xã hội số một cách có trách nhiệm và tôn trọng khác biệt.

Trong bối cảnh giáo dục Việt Nam, ý nghĩa của việc kiểm soát hiện tượng “Buồng vang thông tin” càng trở nên quan trọng khi hệ thống giáo dục đang thúc đẩy đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, hoàn thiện khung pháp lý và đẩy mạnh chuyển đổi số theo các định hướng đã được xác lập trong Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 749/QĐ-TTg, Quyết định số 131/QĐ-TTg và gần đây là Nghị quyết số 71-NQ/TW. Các định hướng này đều nhấn mạnh mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực người học, tăng cường tự chủ học tập, tư duy độc lập và khả

năng thích ứng trong bối cảnh xã hội số. Tuy nhiên, các kết quả tổng quan cũng cho thấy rằng nếu việc mở rộng môi trường học tập số không đi kèm với giáo dục truyền thông số và phát triển tư duy phản biện, người học có thể đối mặt với nguy cơ tiếp nhận thông tin thiên lệch và hạn chế khả năng đối thoại trong môi trường học tập và xã hội. Từ góc độ đó, “Buồng vang thông tin” có thể được xem là một “bài kiểm tra” đối với mục tiêu phát triển năng lực công dân số trong giáo dục Việt Nam. Việc phát triển công dân số không chỉ dừng lại ở kỹ năng sử dụng công nghệ, mà còn bao gồm khả năng đánh giá thông tin, tham gia đối thoại tôn trọng khác biệt và sử dụng không gian số một cách có đạo đức và trách nhiệm. Kết quả nhấn mạnh giáo dục đóng vai trò then chốt trong việc tạo điều kiện để người học hình thành những năng lực này thông qua chương trình học, phương pháp giảng dạy và môi trường học tập. Như vậy, việc tiếp cận “Buồng vang thông tin” từ góc độ giáo dục và phát triển năng lực công dân số cho phép kết nối các phát hiện nghiên cứu với các mục tiêu dài hạn của giáo dục Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số.

4. Kết luận và bình luận

Bài báo đã tổng quan có hệ thống các nghiên cứu về hiện tượng “Buồng vang thông tin” trong môi trường truyền thông số, tập trung vào mối liên hệ giữa hiện tượng này và quá trình hình thành năng lực tiếp nhận thông tin của thế hệ Gen Z. Thông qua việc tổng hợp và tổ chức các công trình nghiên cứu theo hướng tiếp cận chủ đề, bài viết góp phần làm rõ cách “Buồng vang thông tin” được nhận diện, nghiên cứu và thảo luận trong các lĩnh vực truyền thông, khoa học xã hội và giáo dục hiện nay. Đóng góp chính của bài báo nằm ở việc định vị “Buồng vang thông tin” như một vấn đề có ý nghĩa giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh môi trường thông tin số ngày càng gắn bó chặt chẽ với học tập, tương tác xã hội và sự phát triển cá nhân của người học trẻ. Cách tiếp cận cho phép mở rộng thảo luận về “Buồng vang thông tin” vượt ra ngoài phạm vi kỹ thuật hoặc truyền thông thuần túy, hướng tới việc xem xét hiện tượng này trong mối liên hệ với mục tiêu phát triển năng lực người học và năng lực công dân số trong giáo dục hiện đại. Ngoài ra, các kết quả còn cho thấy nhu cầu tiếp cận “Buồng vang thông tin” một cách có hệ thống trong nghiên cứu và thực hành giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục Việt Nam đang đẩy mạnh đổi mới và chuyển đổi số. Mặc dù vậy, bài báo vẫn còn hạn chế do dựa trên phương pháp tổng quan tài liệu định tính và chưa bao quát được dữ liệu thực nghiệm trong bối cảnh giáo dục Việt Nam. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng theo hướng kết hợp phương pháp định lượng và định tính, cũng như khảo sát trực tiếp hành vi tiếp nhận thông tin của Gen Z trong các môi trường giáo dục cụ thể, qua đó bổ sung bằng chứng thực nghiệm và làm sâu sắc hơn các thảo luận về “Buồng vang thông tin” trong giáo dục và phát triển năng lực công dân số.

Tuyên bố về vai trò của các tác giả: Phạm Nguyễn Phúc Toàn: Lên ý tưởng nghiên cứu, xác định phương pháp và công cụ nghiên cứu, viết và sửa chữa bản thảo. Phạm Văn Luân: Giám sát, chỉ đạo quá trình nghiên cứu, viết và sửa chữa bản thảo.

Tuyên bố về GenAI và Quyền tác giả: Trong quá trình chuẩn bị bản thảo này, các tác giả có sử dụng một số công cụ GenAI để hỗ trợ tóm tắt tài liệu. Các công cụ này chỉ được sử dụng như phương tiện hỗ trợ và không thay thế việc phân tích xử lý dữ liệu hay diễn giải kết quả nghiên cứu. Các tác giả chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung của bài báo.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

Thông tin tài trợ: Nghiên cứu này không nhận được tài trợ từ bên ngoài.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.*
- Braun, V., & Clarke, V. (2006). Using thematic analysis in psychology. *Qualitative Research in Psychology, 3*(2), 77-101. <https://doi.org/10.1191/1478088706qp063oa>
- Celuch, M., Oksa, R., Ellonen, N., & Oksanen, A. (2024). Self-censorship among online harassment targets: The role of support at work, harassment characteristics, and the target's public visibility. *Information, Communication & Society, 27*(11), 2171-2190. <https://doi.org/10.1080/1369118X.2023.2289978>
- Cinelli, M., Morales, G. D. F., Galeazzi, A., Quattrociocchi, W., & Starnini, M. (2021). The echo chamber effect on social media. *Proceedings of the National Academy of Sciences, 118*(9), e2023301118. <https://doi.org/10.1073/pnas.2023301118>
- Dimock, M. (2019). *Defining Generations: Where Millennials End and Generation Z Begins.*

- <https://www.pewresearch.org/fact-tank/2019/01/17/where-millennials-end-and-generation-z-begins>.
- Flaxman, S., Goel, S., & Rao, J. M. (2016). Filter Bubbles, Echo Chambers, and Online News Consumption. *Public Opinion Quarterly*, 80(S1), 298-320. <https://doi.org/10.1093/poq/nfw006>
- Gao, Y., Liu, F., & Gao, L. (2023). Echo chamber effects on short video platforms. *Scientific Reports*, 13(1), 6282. <https://doi.org/10.1038/s41598-023-33370-1>
- Hobbs, R. (2017). Approaches to teacher professional development in digital media literacy education In B. De Abreu, P. Mihailidis, A. Lee, J. Melki, & J. McDougall (Eds). *International Handbook of Media Literacy Education* (pp. 88-113). New York: Routledge.
- Knight Foundation (2024). *College student views on free expression and campus speech*. Miami, FL: Knight Foundation.
- Li, F., Shi, M., & Feng, R. (2025). Social media use and job choices: The mediating roles of work values and self-efficacy. *Frontiers in Psychology*, 16, 1485663. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2025.1485663>
- López Fraile, L. A., & Alonso Guisande, M. Ángel. (2025). Censorship and Self-censorship of University Students on Instagram and TikTok. *VISUAL REVIEW. International Visual Culture Review Revista Internacional De Cultura Visual*, 17(3), 149-166. <https://visualcomppublications.es/revVISUAL/article/view/5786>
- Lữ Thị Mai Oanh, Nguyễn Quý Thanh, Hà Ánh Bình (2024). Giải pháp nhận diện tin giả của sinh viên. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Giáo dục*, 40(1), 27-38.
- Mihailidis, P., & Viotty, S. (2017). Spreadable Spectacle in Digital Culture: Civic Expression, Fake News, and the Role of Media Literacies in “Post-Fact” Society. *American Behavioral Scientist*, 61(4), 441-454. <https://doi.org/10.1177/0002764217701217>
- Neubaum, G., & Krämer, N. C. (2017). Opinion Climates in Social Media: Blending Mass and Interpersonal Communication: Opinion Climates in Social Media. *Human Communication Research*, 43(4), 464-476. <https://doi.org/10.1111/hcre.12118>
- Nguyen, D. (2024). The role of social media in shaping career choices of Asian American students. *TOJET: The Turkish Online Journal of Educational Technology*, 23(4), 201-205. <https://files.eric.ed.gov/fulltext/EJ1444575.pdf>
- Nguyen, T. T., Hui, P. M., Harper, F. M., Terveen, L., & Konstan, J. A. (2014). Exploring the filter bubble: The effect of using recommender systems on content diversity. In *WWW 2014 - Proceedings of the 23rd International Conference on World Wide Web* (pp. 677-686). Association for Computing Machinery. <https://doi.org/10.1145/2566486.2568012>
- Noelle-Neumann, E. (1974). The Spiral of Silence a Theory of Public Opinion. *Journal of Communication*, 24(2), 43-51. <https://doi.org/10.1111/j.1460-2466.1974.tb00367.x>.
- OECD (2021). *21st-century readers: Developing literacy skills in a digital world*. OECD Publishing.
- Pariser, E. (2011). *The filter bubble: What the Internet is hiding from you*. Penguin Press.
- Pennycook, G., & Rand, D. G. (2019). Lazy, not biased: Susceptibility to partisan fake news is better explained by lack of reasoning than by motivated reasoning. *Cognition*, 188, 39-50. <https://doi.org/10.1016/j.cognition.2018.06.011>
- Sunstein, C. R. (2001). *Echo chambers: Bush v. Gore, impeachment, and beyond*. Princeton University Press.
- Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 về đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Törnberg, P. (2018). Echo chambers and viral misinformation: Modeling fake news as complex contagion. *PLOS ONE*, 13(9), e0203958. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0203958>
- Twenge, J. M. (2017). *iGen: Why today's super-connected kids are growing up less rebellious, more tolerant, less happy - and completely unprepared for adulthood*. Atria Books.
- Twenge, J. M. (2019). More Time on Technology, Less Happiness? Associations Between Digital-Media Use and Psychological Well-Being. *Current Directions in Psychological Science*, 28(4), 372-379. <https://doi.org/10.1177/0963721419838244>
- UNESCO (2023). *Global education monitoring report 2023: Technology in education - A tool on whose terms?*
- Zhang, M., Zhou, S., Wu, Y., & Liu, S. (2024). Pressure from social media: Influence of social media usage on career exploration. *The Career Development International*, 29(1), 93-112. <https://doi.org/10.1108/CDI-01-2023-0016>